

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ngày: 19 - 8 - 2021

"V/v: Ly hôn"

## NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Minh Côn; Ông Nguyễn Quang Hợp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Kao Hoàng - Thư ký

Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST - HNGĐ ngày 16/4/2021 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐST - HNGĐ ngày 09/7/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã C, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1973 (Vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm , xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày: Tôi kết hôn với anh H năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn tôi về nhà anh H chung sống không mang theo tài sản gì ngoài đồ dùng tư trang cá nhân. Quá trình chung sống chúng tôi liên tục xảy ra mâu thuẫn cãi vã do anh H cờ bạc, hay uống rượu say rồi về chửi, dọa nạt tôi. Đến tháng 11/2020 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh H có 03 con chung:

1. Trần Thị H, sinh năm 1997
2. Trần Thúy H, sinh năm 2001
3. Trần Thúy H, sinh năm 2001

Hiện nay cháu H đã xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng, còn cháu Hoàn, Hảo đã trưởng thành nên tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản: Tôi không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình về làm dâu nhà anh H tôi có công sức đóng góp nhưng tôi không ý kiến và không đề xem xét.

Tại bản khai bị đơn anh Trần Văn H trình bày: Tôi kết hôn với cô Phạm Thị H năm 1997 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cô H về nhà nhà tôi ở cùng gia đình nhà tôi không mang theo tài sản gì ngoài đồ dùng tư trang cá nhân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì vợ tôi mở quán làm tóc rồi liên tục xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay không ai quan tâm gì đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, cô H làm đơn xin ly hôn tôi đồng ý.

Về con chung: Tôi và cô Hào có 03 con chung:

1. Trần Thị H, sinh năm 1997
2. Trần Thúy H, sinh năm 2001
3. Trần Thúy H, sinh năm 2001

Hiện nay cháu H đã xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng, còn cháu H, H đã trưởng thành nên tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản: Tôi và cô H không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai.

Trong quá trình về làm dâu cô H không tạo dựng được tài sản gì.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm: 01 trích lục kết hôn (bản sao) mang tên Phạm Thị H và Trần Văn H, 04 Giấy chứng minh nhân dân (Bản sao) mang tên Trần Thúy H, Trần Thúy H, Trần Văn H, Phạm Thị H, 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao) chủ hộ Trần Văn H, 01 sổ tạm trú (bản phô tô) và 01 chứng từ giao dịch; Anh H không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Hào giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị xin ly hôn, về con chung đã trưởng thành, về tài sản và công sức đóng góp trong gia đình nhà anh Hợp chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Hợp vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử:

- + Cho chị Phạm Thị H được ly hôn anh Trần Văn H.
- + Về con chung: 03 con chung: Trần Thị H, sinh năm 1997, Trần Thúy H, sinh năm 2001, Trần Thúy H, sinh năm 2001 đã trưởng thành.
- + Về tài sản: Không xem xét.
- + Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh H vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn anh Trần Văn H cư trú tại xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Trần Văn H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H theo yêu cầu là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Chị Phạm Thị H và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật vào năm 1997, do đó được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn cãi vã do anh H cờ bạc, hay uống rượu say rồi về chửi, dọa nạt chị. Đến năm 2020 vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên quan điểm. Phía anh H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì chị H mở quán làm tóc, từ đó vợ chồng liên tục xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng tôi đã sống ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa anh đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 11/2020 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ, nay cả hai bên cùng xác định không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, tại phiên tòa anh H có đơn xin vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ cần chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả chị H và anh H cùng xác định vợ chồng có 03 con chung:

1. Trần Thị H, sinh năm 1997
2. Trần Thúy H, sinh năm 2001
3. Trần Thúy H, sinh năm 2001

Hiện nay cháu H đã xây dựng gia đình và có cuộc sống riêng, còn cháu H, H đã trưởng thành. Quá trình giải quyết cháu H, H, cháu cùng xác định đã trưởng thành trong quá trình chung sống cùng gia đình các cháu không tạo dựng được tài sản gì và không có công sức gì nên không đề nghị xem xét, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Quá trình giải quyết chị H, anh H cùng xác định không có tài sản chung, không có tài sản cho vay và không vay nợ ai nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST theo quy định nộp ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, cho chị H được ly hôn anh Trần Văn H.

**2. Về con chung:** Đã trưởng thành.

**3. Về tài sản:** Không xem xét.

**4. Về án phí.** Chị H phải chịu 300.000đ án phí LHST vào ngân sách Nhà nước, được trừ 300.000 đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003717 ngày 16/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;
- Lưu hồ sơ + VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÀO NGỌC HÀI**